

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026**

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 với các nội dung như sau:

**I. THÔNG TIN TUYỂN SINH**

**1.1. Ngành đào tạo**

| TT | Mã ngành | Tên ngành                        | Chỉ tiêu |
|----|----------|----------------------------------|----------|
| 1  | 8140114  | Quản lý giáo dục                 | 21       |
| 2  | 8850101  | Quản lý tài nguyên và môi trường | 15       |
| 3  | 8620105  | Chăn nuôi                        | 15       |
| 4  | 8620110  | Khoa học cây trồng               | 12       |
| 5  | 8420201  | Công nghệ sinh học               | 10       |
| 6  | 8540101  | Công nghệ thực phẩm              | 10       |
| 7  | 8480201  | Công nghệ thông tin              | 12       |
| 8  | 8140110  | Lý luận và phương pháp dạy học   | 01       |
| 9  | 8440103  | Vật lý lý thuyết và Vật lý toán  | 13       |
| 10 | 8440301  | Kỹ thuật môi trường (dự kiến)    | 20       |
| 11 | 8620301  | Nuôi trồng thủy sản (dự kiến)    | 15       |
| 12 | 8229001  | Triết học (dự kiến)              | 15       |

**1.2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo**

Hình thức đào tạo: tập trung.

Thời gian đào tạo: 02 năm.

**II. THỜI GIAN TUYỂN SINH**

| TT | Nội dung                    | Thời gian              |
|----|-----------------------------|------------------------|
| 1  | Nhận hồ sơ                  | Đến hết ngày 24/9/2026 |
| 2  | Thời gian tổ chức xét hồ sơ | Tháng 9/2026           |
| 3  | Công bố kết quả             | Ngày 28/9/2026         |
| 4  | Thời gian dự kiến nhập học  | Tháng 10/2026          |

### **III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN**

#### **3.1. Điều kiện chung**

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có văn bằng tốt nghiệp đại học phù hợp theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có lý lịch rõ ràng; không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự; được cơ quan quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần và đúng thời hạn theo quy định.

#### **3.2. Điều kiện cụ thể về văn bằng, năng lực ngoại ngữ và điều kiện khác**

##### **3.2.1. Văn bằng**

Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

Đối với người dự tuyển tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp (không đúng ngành), phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định trước khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

##### **3.2.2. Năng lực ngoại ngữ**

Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thuộc ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời hạn 24 tháng, tính từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (xem Phụ lục 1).

##### **3.2.3. Các điều kiện khác**

Người dự tuyển đang công tác tại cơ quan, tổ chức phải có văn bản cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp.

Trường hợp người dự tuyển không thuộc cơ quan quản lý tại thời điểm đăng ký dự tuyển, phải có bản cam kết về việc không thuộc sự quản lý và không ký hợp đồng lao động với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào tại thời điểm đăng ký dự tuyển.

### **IV. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

#### **4.1. Xét tuyển thẳng**

Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) thuộc ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng, đồng thời đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định tại khoản 1

Điều 8 Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, gồm một trong những đối tượng sau:

- Tốt nghiệp trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên và tốt nghiệp đúng thời hạn theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành;

- Tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi (điểm trung bình tích lũy từ 8,0 trở lên theo thang điểm 10);

- Tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

- Tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi Olympic sinh viên; đạt giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka hoặc các giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức trong và ngoài nước.

***Lưu ý:** Thời gian được xem xét tuyển thẳng tối đa là 24 tháng, tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp hoặc ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ dự tuyển.*

## **4.2. Xét tuyển**

Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) thuộc ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển.

Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển, đồng thời đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

## **4.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **4.3.1. Đối tượng ưu tiên**

- a. Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- c. Con liệt sĩ;

- d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- đ. Người dân tộc thiểu số;

- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

### **4.3.2. Mức ưu tiên**

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (kể cả trường hợp thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ghi chú:** Người dự tuyển thuộc diện ưu tiên phải nộp đầy đủ minh chứng hợp lệ khi nộp hồ sơ. Nhà trường không giải quyết trường hợp bổ sung giấy tờ ưu tiên sau thời hạn quy định.

## **V. TỔ CHỨC TUYỂN SINH**

### **5.1. Hồ sơ tuyển sinh**

Hồ sơ dự tuyển gồm:

1. Đơn đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác;
3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp (không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ);
4. Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học (hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp đối với người mới tốt nghiệp) và bảng điểm toàn khóa;
5. 02 ảnh cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ); mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành dự tuyển;
6. Lý lịch khoa học (đối với thí sinh có công bố công trình khoa học, bài báo...);
7. Bản sao căn cước công dân;
8. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý đối với thí sinh đang công tác tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (nếu có);
9. Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ thuộc diện được miễn ngoại ngữ đầu vào (nếu có);
10. Bản sao có chứng thực bảng điểm các học phần bổ sung kiến thức (nếu có);
11. Giấy tờ hợp pháp minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có).
12. Giấy giới thiệu của giảng viên (nếu có).
13. Bài luận cá nhân có mô tả về các kỹ năng nổi bật, kinh nghiệm trong công việc và các thành tích đáng kể trong quá trình học tập, làm việc của người dự tuyển; các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, xã hội (nếu có).

**Lưu ý:** Đối với thí sinh người Việt Nam có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp: thí sinh phải bổ sung văn bản công nhận văn bằng do Trung tâm Công nhận văn bằng – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp (xem hướng dẫn tại website [naric.edu.vn](http://naric.edu.vn)) chậm nhất trước ngày xét tuyển. Nếu đến ngày xét tuyển mà thí sinh chưa có văn bản này, thí sinh phải nộp bổ sung Đơn cam kết và bắt buộc phải nộp văn bản công nhận văn bằng trước khi nhập học chính thức.

## 5.2. Tổ chức xét tuyển

Trường Đại học An Giang tổ chức xét tuyển theo các hình thức sau:

### 5.2.1. Xét tuyển thẳng

Tiểu ban chuyên môn căn cứ quy định hiện hành và yêu cầu của từng ngành đào tạo để xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá hồ sơ của người dự tuyển theo diện xét tuyển thẳng.

### 5.2.2. Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá hồ sơ

Căn cứ yêu cầu chuyên môn của từng ngành đào tạo, Tiểu ban chuyên môn xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển. Nội dung đánh giá có thể bao gồm: uy tín của cơ sở đào tạo nơi người dự tuyển đã tốt nghiệp; kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; lý lịch khoa học; kinh nghiệm chuyên môn và các yếu tố liên quan khác..

## 5.3. Thu tiền dự tuyển

*DVT: Đồng*

| TT | Nội dung                           | Lệ phí  |
|----|------------------------------------|---------|
| 1  | Đăng ký dự tuyển (01 thí sinh)     | 100.000 |
| 2  | Xét tuyển thạc sĩ (01 hồ sơ)       | 500.000 |
| 3  | Học bổ sung kiến thức (01 tín chỉ) | 590.000 |
| 4  | Phúc khảo hồ sơ (01 hồ sơ)         | 500.000 |

## 5.4. Địa điểm tuyển sinh

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

## VI. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Phòng Đào tạo (ĐT02) - Trường Đại học An Giang, số 18 Ung Văn Khiêm, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ThS. Đoàn Thế Phương, điện thoại: 0832.938.126.

- ThS. Nguyễn Ngọc Anh, điện thoại: 0888.776.668.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các Sở ban ngành;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Nguyễn Phương Thảo**

**PHỤ LỤC 1**

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ  
tương đương bậc 3, bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số ...../QĐ-ĐHAG ngày ...../...../2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM)*

**1. Tiếng Anh**

| Ngôn ngữ  | Văn bằng/chứng chỉ   | Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam<br>(VSTEP)                                                    |                                                                                                                                                 |
|-----------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                      | Bậc 3                                                                                                          | Bậc 4                                                                                                                                           |
| Tiếng Anh | IELTS                | 4.5                                                                                                            | 5.5                                                                                                                                             |
|           | TOEFL                | 460 ITP<br>45 iBT                                                                                              | 46 iBT                                                                                                                                          |
|           | TOEIC<br>(4 kỹ năng) | Reading: 275<br>Listening: 275<br>Speaking: 120<br>Writing: 120                                                | Reading: 385<br>Listening: 400<br>Speaking: 160<br>Writing: 150                                                                                 |
|           | Cambridge Exam       | A2 Key 140<br>B1 Preliminary: 140<br>B2 First: 140<br>B1 Business Preliminary: 140<br>B2 Business Vantage: 140 | B1 Preliminary: 160<br>B2 First: 160<br>C1 Advanced: 160<br>B1 Business Preliminary: 160<br>B2 Business Vantage: 160<br>C1 Business Higher: 160 |
|           | Aptis (Hội đồng Anh) | B1 (General)                                                                                                   | B2 (General)                                                                                                                                    |

| Ngôn ngữ  | Văn bằng/chứng chỉ                        | Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) |                 |
|-----------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|
|           |                                           | Bậc 3                                                    | Bậc 4           |
|           | Linguaskill                               | 140-159                                                  | 160-179         |
|           | Pearson English International Certificate | Level 2                                                  | Level 3         |
|           | Oxford Test of English (OTE)              | 81-110                                                   | 111-140         |
|           | Oxford Test of English Advanced           |                                                          | 111-140         |
|           | LANGUAGECERT Internation ESOL             | B1 Achiever                                              | B2 Communicator |
| Tiếng Anh | LANGUAGECERT Academic                     | 40-59                                                    | 60-74           |

## 2. Một số ngoại ngữ khác

| Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) | Tiếng Nga | Tiếng Pháp       | Tiếng Đức                                                                                                                    | Tiếng Trung  | Tiếng Nhật                                      | Tiếng Hàn           |
|----------------------------------------------------------|-----------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|---------------------|
| Bậc 3                                                    | TPKI-1    | DELFB1<br>TCF B1 | Goethe-Zertifikat B1,<br>TELC Deutsch B1,<br>DSD I, ÖSD-Zertifikat B1,<br>TestDaF - TDN3, ECL B1                             | HSK<br>Bậc 3 | JLPT N4<br>NAT-TEST 3Q<br>J-TEST (400)          | TOPIK II<br>(Bậc 3) |
| Bậc 4                                                    | TPKI-2    | DELFB2<br>TCF B2 | Goethe-Zertifikat B2,<br>TELC Deutsch B2,<br>DSD II (Viết/nói: 8-11<br>điểm; Nghe/đọc: 8-13<br>điểm),<br>ÖSD -Zertifikat B2, | HSK<br>Bậc 4 | JLPT N3<br>NAT-TEST 2Q<br>(100)<br>J-TEST (600) | TOPIK II<br>(Bậc 4) |

| <b>Khung<br/>năng lực<br/>ngoại ngữ 6<br/>bậc dùng<br/>cho Việt<br/>Nam<br/>(VSTEP)</b> | <b>Tiếng Nga</b> | <b>Tiếng Pháp</b> | <b>Tiếng<br/>Đức</b> | <b>Tiếng<br/>Trung</b> | <b>Tiếng<br/>Nhật</b> | <b>Tiếng Hàn</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
|                                                                                         |                  |                   | TestDaF-TDN4, ECL B2 |                        |                       |                  |

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM sẽ gửi công văn đến Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.